

Số: /TTr-HĐQT/VTS
(DỰ THẢO)

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc Quyết toán Quỹ tiền lương, quỹ thù lao thực hiện năm 2024 và xây dựng quỹ tiền lương, quỹ thù lao kế hoạch năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 01/7/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu (Công ty) sửa đổi bổ sung lần 5 được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 27/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP, ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước (có hiệu lực thi hành từ ngày 15/4/2025 và bãi bỏ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ);

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BNV, ngày 28/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước (có hiệu lực thi hành từ ngày 15/6/2025 và bãi bỏ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội);

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2025 của Công ty,

Hội đồng quản trị Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương, quỹ thù lao thực hiện năm 2024 và kế hoạch quỹ tiền lương của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên chuyên trách, thù lao cho Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên không chuyên trách, quỹ lương của người lao động và Ban điều hành Công ty năm 2025, cụ thể như sau:

I. Quyết toán quỹ tiền lương, quỹ thù lao năm 2024

Quyết toán quỹ tiền lương, quỹ thù lao năm 2024 được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh & Xã hội (nay là Bộ Nội vụ) hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần vốn góp chi phối của Nhà nước.

• **Số liệu báo cáo đã được kiểm toán:**

- Tổng doanh thu và thu nhập : 368.352.742.744 đồng;
- Tổng chi phí chưa lương : 89.505.749.208 đồng;
- Tổng lợi nhuận trước thuế : 146.449.858.901 đồng.

Trong đó, hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính: 1.096.184.234 đồng

- Căn cứ Điều 7 Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016, yếu tố khách quan khi xác định tiền lương, thù lao; từ các chỉ tiêu thực hiện trên, Công ty loại trừ yếu tố khoản hoàn nhập dự phòng đầu tư vào Công ty TNHH Cảng quốc tế Thị Vải khi xác định quỹ tiền lương thực hiện cho người lao động, cán bộ quản lý, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024: 1.096.184.234 đồng

1. Quỹ tiền lương thực hiện Người lao động

1.1 Một số chỉ tiêu năm 2024

ST T	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Ghi chú
1	Tổng Doanh thu & thu nhập	Đồng	276.000.000.000	368.352.742.744	
2	Tổng chi phí chưa lương	Đồng	79.934.000.000	89.505.749.208	
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	101.500.000.000	145.353.674.667	(146.449.858.901 -1.096.184.234 =145.353.674.667)
4	Quỹ tiền lương người lao động	Đồng	90.609.026.865	128.781.841.680	
5	Lao động SDBQ	Người	205	191	
6	Tiền lương bình quân năm	Đồng	441.995.253	674.250.480	

1.2 Xác định quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của người lao động

Căn cứ các chỉ tiêu kết quả thực hiện năm 2024, Công ty quyết toán tiền lương thực hiện năm 2024 theo quy định tại khoản 3 Điều 10 và điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH: “Đối với công ty có năng suất lao động bình quân tăng thì mức tiền lương bình quân kế hoạch được xác định so với mức tiền lương bình quân thực hiện của năm trước liền kề gắn với lợi nhuận kế hoạch như sau: Lợi nhuận kế hoạch bằng hoặc tăng so với thực hiện của năm trước liền kề thì mức tiền lương bình quân kế hoạch tăng không vượt quá mức tăng năng suất lao động bình quân”. Cụ thể:

- Năng suất lao động kế hoạch (Wkh):

$$Wkh = (\text{Tổng doanh thu} - \text{Tổng chi phí chưa lương}) / Lkhsd$$

$$(276.000.000.000đ - 79.934.000.000đ) / 205 = 956.419.512 \text{ đồng/người năm.}$$

- Năng suất lao động thực hiện (Wth):

$$Wth = (\text{Tổng doanh thu} - \text{Tổng chi phí chưa lương}) / Lthsd$$

$$(368.352.742.744 - 89.505.749.208) / 191 = 1.459.931.903 \text{ đồng/người/năm.}$$

- Tốc độ tăng năng suất = $Wth/Wkh = 1.459.931.903 / 956.419.512 = 52,645\%$

- Lợi nhuận thực hiện (Pth) tăng so với kế hoạch (Pkh):

$$145.353.674.667đ / 101.500.000.000đ = 143,2\%$$

Từ kết quả trên cho thấy năng suất lao động thực hiện tăng so với kế hoạch, lợi nhuận thực hiện tăng so với kế hoạch, do đó tiền lương thực hiện tăng so với kế hoạch.

Công ty lựa chọn tốc độ tăng tiền lương là **52,547%** (thấp hơn tốc độ tăng năng suất lao động).

- Tiền lương bình quân thực hiện năm 2024: $TLbqth = TLbqkh + TLns$

+ $TLbqkh$: là mức tiền lương bình quân kế hoạch và bằng 36.832.937 đồng/người/tháng, bằng 441.995.253 đồng/người/năm.

+ $TLns$: là mức tiền lương tăng do tăng năng suất lao động = $(36.832.937 \text{ đồng/người/tháng} \times 52,547\%) = 19.354.603 \text{ đồng/người/tháng}$

- + $TLbqth = 36.832.937 + 19.354.603 = 56.187.540 \text{ đồng/người/tháng}$
($56.187.540 \times 12 = 674.250.480 \text{ đồng/người/năm}$)

*** Như vậy, quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 đối với người lao động là:**

$674.250.480 \text{ đồng} \times 191 \text{ người} = 128.781.841.680 \text{ đồng}$ (Một trăm hai mươi tám tỷ, bảy trăm tám mươi một triệu, tám trăm bốn mươi một ngàn, sáu trăm tám mươi đồng).

2. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của Người quản lý Công ty

Căn cứ các chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024; Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 15 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH “*Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện được tính thêm tối đa bằng 2%, nhưng không quá 20% so với mức tiền lương bình quân kế hoạch*”.

Công ty quyết toán quỹ lương thực hiện năm 2024 của Người quản lý Công ty, bao gồm các chức danh Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban kiểm soát, như sau:

- Số người quản lý chuyên trách làm việc tròn 12 tháng: 06 người;
- Mức tăng lợi nhuận = $(145.353.674.667đ / 101.500.000.000đ) - 1 = 43,2\%$.
- Mức tiền lương thực hiện bình quân tăng thêm: 20%.
- Lương bình quân kế hoạch: 54.540.000 đồng/người
- Lương bình quân của Người Quản lý Công ty tăng thêm:

$$54.540.000 \text{ đồng/tháng/người} \times 20\% = 10.908.000 \text{ đồng/tháng/người}$$

- Lương bình quân thực hiện năm 2024 của người quản lý Công ty là:

$$54.540.000 \text{ đồng} + 10.908.000 \text{ đồng} = 65.448.000 \text{ đồng/tháng/người}$$

• **Vậy, Quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của Người quản lý Công ty là:**

$$65.448.000 \text{ đồng/tháng/người} \times 6 \text{ người} \times 12 \text{ tháng} = 4.712.256.000 \text{ đồng.}$$

(Bốn tỷ bảy trăm mười hai triệu, hai trăm năm mươi sáu ngàn đồng chẵn.)

3. Quỹ thù lao thực hiện năm 2024 của cán bộ quản lý không chuyên trách

Căn cứ khoản 2 Điều 16 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH “*Quỹ thù lao được xác định trên cơ sở số người quản lý công ty không chuyên trách thực tế các thời điểm trong năm, thời gian làm việc và mức thù lao (tính theo tháng) do công ty xác định tối đa bằng 20% mức tiền lương thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách*”, *Cụ thể:*

- Số lượng người quản lý không chuyên trách: 06 người, bao gồm 4 thành viên HĐQT không chuyên trách và 02 thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách.

- Quỹ thù lao thực hiện năm 2024 của cán bộ quản lý không chuyên trách là:

$$V_{tl} = 6 \text{ người} \times 65.448.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} \times 20\% = 942.451.200 \text{ đồng}$$

(Chín trăm bốn mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi một ngàn, hai trăm đồng chẵn.)

II. Xây dựng quỹ lương kế hoạch của Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách, Kiểm soát viên chuyên trách năm 2025

1. Các chỉ tiêu tài chính kế hoạch năm 2025

- Vốn điều lệ: 164.237.820.000 đồng
- Doanh thu kế hoạch năm 2025: 360.500.000.000 đồng
- Lợi nhuận kế hoạch năm 2025: 135.285.000.000 đồng

2. Các căn cứ để xác định mức lương

Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính Phủ về Quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước (Nghị định số 44/2025/NĐ-CP), cụ thể:

Căn cứ khoản 1 và điểm 10 khoản 2 Mục II Phụ lục Đối tượng, điều kiện áp dụng mức lương cơ bản (kèm theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP. Đối tượng áp dụng mức lương cơ bản: Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách; Kiểm soát viên chuyên trách tại Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu áp dụng tại điểm 10 mức 1 nhóm II;

Căn cứ khoản 1 Điều 20 Chương IV Nghị định số 44/2025/NĐ-CP, tiền lương, thù lao của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên chuyên trách: mức tiền lương cơ bản (mức 1 nhóm II) của Chủ tịch Hội đồng quản trị là 48 triệu đồng/tháng; của Trưởng Ban kiểm soát là 40 triệu đồng/tháng; của thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên là 39 triệu đồng/tháng.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 21 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP: “*Lợi nhuận hoặc tỷ suất lợi nhuận kế hoạch thấp hơn năm trước liền kề hoặc lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận kế hoạch đều thấp hơn năm trước liền kề thì mức tiền lương kế hoạch tối đa được tính bằng 70% nhân với 02 lần mức lương cơ bản nhân với tỷ lệ lợi nhuận hoặc tỷ suất lợi nhuận kế hoạch so với năm trước liền kề có giá trị thấp hơn*”.

3. Xác định mức lương của Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên làm việc chuyên trách

- Lợi nhuận thực hiện của Công ty năm 2024: 145.353.674.667 đồng
- Lợi nhuận kế hoạch 2025: 135.285.000.000 đồng
- Tỷ lệ lợi nhuận kế hoạch năm 2025 thấp hơn lợi nhuận thực hiện năm 2024:

$$135.285.000.000 / 145.353.674.667 = 93,1\%$$

3.1. Xác định quỹ lương kế hoạch của Chủ tịch Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách:

Số lượng: 01 người – Chủ tịch Hội đồng quản trị

$48.000.000đ \times 2 \times (135.285.000.000/145.353.674.667) \times 0,7 \times 12 \text{ tháng} \times 01 =$
750.540.530 đồng

(bằng chữ: Bảy trăm năm mươi triệu, năm trăm bốn mươi ngàn, năm trăm ba mươi đồng)

3.2 Xác định quỹ lương kế hoạch của Trưởng Ban kiểm soát làm việc chuyên trách:

$40.000.000 \text{ đ} \times 2 \times (135.285.000.000/145.353.674.667) \times 0,7 \times 12 \text{ tháng} \times 01 =$
625.450.442 đồng

(bằng chữ: Sáu trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi ngàn, bốn trăm bốn mươi hai đồng)

Căn cứ vào quỹ lương kế hoạch của Người quản lý chuyên trách được duyệt, Công ty chi trả tiền lương theo Quy chế trả lương của Công ty và do Hội đồng quản trị quyết định.

III. Xây dựng quỹ thù lao kế hoạch của thành viên HĐQT và Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách năm 2025

1. Các căn cứ

Căn cứ Điều 23 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP, Công ty xây dựng thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên không chuyên trách bằng 20% tiền lương tương ứng của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách.

Căn cứ khoản 1 Điều 20 Chương IV Nghị định số 44/2025/NĐ-CP, tiền lương, thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, mức lương cơ bản của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên áp dụng theo Mức 1 Nhóm II.

2. Xác định quỹ thù lao kế hoạch

- Tiền lương của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên chuyên trách là:

$39.000.000 \text{ đ} \times 2 \times (135.285.000.000/145.353.674.667) \times 0,7 = 50.817.848$
đồng/tháng

- Thù lao của Thành viên hội đồng quản trị, Kiểm soát viên không chuyên trách:

+ Số lượng: 06 người, bao gồm: 04 Thành viên Hội đồng quản trị và 02 Kiểm soát viên.

+ Thù lao bằng 20% tiền lương của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên chuyên trách:

$50.817.848 \text{ đồng/tháng} \times 20\% \times 06 \text{ người} \times 12 \text{ tháng} =$ **731.777.017 đồng**

(bằng chữ: Bảy trăm ba mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi bảy ngàn, không trăm mười bảy đồng)

Căn cứ vào quỹ thù lao của Thành viên hội đồng quản trị, Kiểm soát viên không chuyên trách được duyệt, Công ty chi trả hàng tháng và do HĐQT quyết định. Căn cứ tình hình hoạt động SXKD của Công ty, Hội đồng Quản trị quyết định chi bổ sung trong năm nhưng không vượt quá quỹ thù lao được duyệt đúng theo quy định.

IV. Xây dựng quỹ lương kế hoạch của Người lao động và Ban Điều hành năm 2025

1. Phương pháp xác định quỹ tiền lương

Công ty xác định quỹ tiền lương thông qua mức tiền lương bình quân theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Mục 1 Chương III Nghị định số 44/2025/NĐ-CP

2. Xác định quỹ lương thông qua mức tiền lương bình quân

2.1 Một số chỉ tiêu để tính quỹ lương kế hoạch người lao động và Ban điều hành của Công ty năm 2025

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch 2025	Ghi chú
1	Tổng Doanh thu	Đồng	368.352.742.744	360.500.000.000	
2	Tổng chi phí chưa lương	Đồng	89.505.749.208	97.050.000.000	
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	145.353.674.667	135.285.000.000	
4	Quỹ tiền lương người lao động và Ban điều hành Công ty	Đồng	131.923.349.309	126.789.854.049	
5	Lao động SDBQ	Người	195	215	
6	Tiền lương bình quân	Đồng	676.529.996	589.706.298	

2.2 Xây dựng quỹ lương kế hoạch của người lao động và Ban điều hành Công ty năm 2025

$$V_{kh} = TL_{bqkh} \times Lk_{hsd} \times t$$

V_{kh}: Quỹ lương kế hoạch;

- L_{khsdbq}: Lao động sử dụng bình quân kế hoạch;

- TLbqkh: Mức tiền lương bình quân kế hoạch
- TLbqthnt: Mức tiền lương bình quân thực hiện năm trước
- t: Số tháng hoạt động trong năm

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 của Công ty: doanh thu, năng suất lao động, lợi nhuận đều giảm so với thực hiện năm 2024, vì vậy, Công ty xây dựng quỹ lương Người lao động và Ban điều hành theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9, Nghị định số 44/2025/NĐ-CP:

“ 3. Doanh nghiệp có năng suất lao động kế hoạch thấp hơn thực hiện năm trước liền kề thì mức tiền lương bình quân kế hoạch được xác định như sau: c. Lợi nhuận kế hoạch thấp hơn thực hiện của năm trước liền kề thì mức tiền lương bình quân kế hoạch được xác định theo công thức sau: $TLbqkh = TLbqth - TLns - TLln$ ”

Cụ thể:

a/ Tiền lương kế hoạch giảm theo năng suất lao động (TLns) BQKH:

- Tiền lương bình quân thực hiện năm 2024: 676.529.996 đồng/người/năm
- Năng suất lao động thực hiện năm 2024: 1.429.984.582 đồng/người/năm
- Năng suất lao động kế hoạch (Wkh) năm 2025:

$$Wkh = (\text{Tổng doanh thu} - \text{Tổng chi phí chưa lương}) / Lkhsd$$

$$(360.500.000.000đ - 97.050.000.000đ) / 215 = 1.225.348.837 \text{ đồng/người năm.}$$

- Năng suất lao động kế hoạch năm 2025 giảm so với năm thực hiện 2024 là: $1.429.984.582 đ - 1.225.348.837 đ = 204.635.745đ/người/năm$, tỷ lệ giảm tương ứng 14,61%. Vì vậy, khoản tiền lương giảm theo năng suất lao động bình quân sẽ là:

$$TLns = TLbqthnt \times (1 - Wkh/Wthnt) \times 0,8$$

$$= 676.529.996 \times (1 - 1.225.348.837 / 1.429.984.582) \times 0,8 = 77.451.028 \text{ đồng}$$

b/ Tiền lương kế hoạch giảm theo lợi nhuận kế hoạch (TLln):

- Lợi nhuận thực hiện năm 2024 (Pnt): 145.353.674.667 đồng
- Lợi nhuận kế hoạch năm 2025 (Pkh): 135.285.000.000 đồng
- Lợi nhuận kế hoạch năm 2025 giảm so với thực hiện năm 2024, khoản tiền lương giảm theo lợi nhuận: $TLln = TLbqthnt \times (1 - Pkh/Pthnt) \times 0,2$

$$= 676.529.996 \times (1 - 135.285.000.000 / 145.353.674.667) \times 0,2 = 9.372.670 \text{ đồng}$$

c/ Mức tiền lương bình quân kế hoạch (TLbqkh) năm 2025:

$$TLbqkh = TLbqthnt - TLns - TLln$$

$$= 676.529.996 - 77.451.028 - 9.372.670 = 589.706.298 \text{ đồng/người/năm.}$$

d/ Xác định quỹ lương kế hoạch (Vkh) của người lao động và Ban điều hành năm 2025, như sau:

$$Vkh = TLbqkh \times Lkhsdbq$$

$$Vkh = 589.706.298 \text{ đ} \times 215 \text{ người} = 126.789.854.049 \text{ đồng.}$$

(bằng chữ: Một trăm hai mươi sáu tỷ, bảy trăm tám mươi chín triệu, tám trăm năm mươi bốn ngàn, không trăm bốn mươi chín đồng chẵn.)

Căn cứ vào quỹ lương kế hoạch của Người lao động và Ban điều hành được duyệt Công ty chi trả tiền lương theo Quy chế trả lương của Công ty.

Kính trình./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS, HĐQT;
- Ban TGD;
- P. TCKT, P. TCNS;
- Lưu VT, TK.

Lê Văn Bình